TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4
TỈNH ĐỒNG THÁP

Án số: 24/2026/DS-ST
Ngày: 28/01/2026
V/v tranh chấp: *"Hợp đồng góp hụi;*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Chí Khanh**

Các hội thẩm nhân dân: Ông **Huỳnh Ngọc Trứ**

Ông **Tôn Văn Hùng**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lê Nguyễn Như Dzoãn** – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 – Đồng Tháp không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 28 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4, tỉnh Đồng Tháp, mở phiên Tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 87/2025/TLST-DS ngày 22 tháng 10 năm 2025 về việc tranh chấp "Hợp đồng góp hụi". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 238/2025/QĐXX-ST ngày ngày 24 tháng 12 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2026/QĐST-DS ngày 16/01/2026, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Bà **Chung Kim N**, sinh năm 1954.

Địa chỉ: ấp Đ, xã N, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện theo ủy quyền: Bà **Tạ Kim T**, sinh năm 1963.

Địa chỉ: số E Khu phố A, phường C, tỉnh Đồng Tháp.

Văn bản ủy quyền số 3040/2025/CCGD ngày 08/10/2025 tại Phòng C3, tỉnh Đồng Tháp.

2. *Bị đơn:* Bà **Nguyễn Thị C**, sinh năm 1952.

Địa chỉ: ấp Đ, xã N, tỉnh Đồng Tháp.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

Bà **Ngô Thị N1**, sinh năm 1974.

Địa chỉ: ấp Đ, xã N, tỉnh Đồng Tháp.

- Bà N, bà T và bà N1 có mặt tại phiên tòa.
- Bà C xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn bà Chung Kim N trình bày: Tôi với bà Nguyễn Thị C là có quan hệ quen biết do cùng xóm ấp, nên tôi có tham gia các dây hụi do bà C1 làm chủ hụi, cụ thể như sau:

Dây 1: Hụi tháng, khui ngày 25/11/2024, hụi 2.000.000đồng/phần, có 32 phần, tôi tham gia 2 phần tên trong danh sách hụi là 8 Nguyên, đóng được 7 lần hụi sống, đến lần thứ 08 thì bà C1 ngưng hụi. Như vậy dây này bà C còn nợ tôi 14 lần hụi (02 phần) là 28.000.000đồng.

Dây 2: Hụi tháng, khui ngày 10/7/2023, hụi 2.000.000đồng/phần, có 30 phần, tôi tham gia 1 phần trong danh sách hụi tên là 8 Nguyên, hốt hụi ở kỳ thứ 23, số tiền bao nhiêu thì tôi không nhớ. Dây hụi này tôi còn nợ 6 lần hụi chết với số tiền là 12.000.000đồng, dây hụi này còn khui 2 lần nữa thì mãn.

Dây 3: Hụi tháng, khui ngày 26/4/2023, hụi 2.000.000đồng/phần, có 33 phần, tôi tham gia 1 phần, trong danh sách hụi tên là 8 Nguyên, dây này tôi hốt kỳ khui thứ 27, số tiền giao bao nhiêu không nhớ, dây này tôi còn nợ tôi 6 kỳ hụi chết với số tiền 12.000.000đồng, dây này còn khui 3 lần nữa thì mãn.

Như vậy sau khi cấn trừ bà C còn nợ tôi 4.000.000đồng.

Ngoài ra vào ngày 25/11/2024 tôi có mua 1 dây của bà Ngô Thị N1 hụi khui ngày 25/11/2024 do bà Nguyễn Thị C làm đầu thảo, hụi 32 phần, bà N1 tham gia 1 phần, trong danh sách hụi bà N1 tên là N1. Việc mua bán hụi giữa tôi với bà N1 bà C có chứng kiến và đồng ý. Dây này tôi đã đưa tiền hụi hốt hụi cho bà N1 với số tiền 40.850.000đồng ở kỳ khui đầu tiên thỏa thuận xem như bà N1 đã hốt hụi rồi, nhưng thực tế dây hụi này của bà N1 còn sống. Hàng tháng bà N1 phải đống hụi chết lại cho bà C là 2.000.000đồng, trung bình bà C giữ lại 1.200.000đồng giao lại tiền lời mua hụi cho tôi khoảng 800.000đồng/tháng, hiện dây hụi này chưa mãn. Bà N1 đóng hụi sống cho bà C được 11 lần nhưng xảy ra cự cãi nên ngưng. Dây hụi này bà C nợ tôi với số tiền là 54.060.000đồng.

Tổng cộng bà C phải trả tôi số tiền: 54.060.000đ + 4.000.000đ = 58.060.000đồng. Yêu cầu trả một lần.

- Tại tờ tự khai ngày 10/111/2025 và biên bản hòa giải ngày 10/11/2025 bị đơn bà Nguyễn Thị C trình bày: Tôi có làm đầu thảo hụi, bà Chung Kim N có tham gia chơi của tôi 3 dây hụi như sau:

Dây 1: Khui ngày 25/11/2024, hụi 2.000.000đồng/01 phần/tháng, có 32 phần, bà N tham gia 2 phần tên trong danh sách hụi là 8 Nguyên, đóng được 7 lần hụi sống với thì ngưng do cự cãi với tôi, dây này bà N chưa hốt hụi, trung bình mỗi lần đóng khoản 1.200.000đồng như vậy dây này tôi còn nợ bà 16.800.000đồng, dây hụi này hiện này hiện nay vẫn còn khui chưa mãn.

Dây 2: Khui ngày 10/7/2023, hụi 2.000.000đồng/01 phần/tháng, có 30 phần, bà

N tham gia 1 phần trong danh sách hụi tên là 8 Nguyên, hốt hụi ở kỳ thứ 23, số tiền bao nhiêu thì tôi không nhớ, dây này bà N còn 6 lần hụi chết với số tiền là 12.000.000đồng, dây hụi này còn khui 2 lần nữa thì mãn.

Dây 3: Khui ngày 26/4/2023, hụi 2.000.000đồng/01 phần/tháng, có 33 phần, bà N tham gia 1 phần tên là 8 Nguyên, dây này bà N hốt kỳ khui thứ 27, số tiền giao bao nhiêu không nhớ, dây này bà N còn nợ tôi 6 lần kỳ hụi chết với số tiền 12.000.000đồng, dây này còn khui 3 lần nữa thì mãn.

Ngoài ra vào ngày 25/11/2024 bà N có mua 1 dây hụi của tay em bà Ngô Thị N1, sinh năm 1979. Địa chỉ: ấp Đ, xã N, tỉnh Đồng Tháp do tôi làm đầu thảo, hụi khui ngày 25/11/2024, hụi 32 phần, bà N1 tham gia 1 phần, trong danh sách hụi bà N1 tên là N1. Việc mua bán hụi giữa bà N1 với bà N tôi có chứng kiến và đồng ý. Dây này bà N đã đưa tiền hụi hốt cho bà tôi với số tiền 40.850.000đồng sau đó tôi đã giao lại toàn bộ số tiền này cho bà N1 ở kỳ khui đầu tiên, xem như bà N1 đã hốt hụi này rồi, nhưng thực tế dây hụi này của bà N1 còn sống. Hàng tháng bà N1 phải tống hụi chết lại cho tôi 2.000.000đồng, trung bình hàng tháng tôi giữ lại 1.200.000đồng, tôi giao lại tiền lời mua hụi cho bà N khoảng 800.000đồng. Bà N1 đóng hụi sống cho tôi được 11 lần.

Nay tôi đồng ý cho bà N hốt ở dây hụi mua của bà N1 bỏ bao nhiêu thì hốt bấy nhiêu, hụi chết thì bà N1 đóng cho tôi. Đối với 3 dây hụi ở trên tôi đồng ý cấn trừ xem như không ai nợ ai.

- Tại biên bản hòa giải ngày 10/11/2025 người có liên quan bà N1 trình bày: Nội dung mua bán hụi như bà C trình bày là đúng, tôi có tham gia 1 dây hụi do bà C làm đầu thảo khui ngày 25/11/2024 hụi 32 phần, tôi tham gia 1 phần, trong danh sách hụi tôi tên là N1. Do tôi cần tiền nên tôi có bán dây hụi này cho bà N để lấy tiền, hàng tháng tôi đóng cho bà C 2.000.000đồng, bà C có nhiệm vụ giữ lại 1.200.000đồng để trả tiền cho người còn sống, cò 800.000đồng đưa cho bà N xem như tiền lời, nếu hụi mãn thì bà N được toàn bộ số tiền hụi sống của dây hụi này. Nay tôi không có ý kiến về việc tranh chấp giữa hai bên.

* Tại phiên tòa hôm nay:

- Bà Tạ Kim T đại diện ủy quyền cho nguyên đơn bà Chung Kim N xác định: Dây hụi khui ngày 25/11/2024, bà C còn nợ nà N là 28.000.000đồng. Dây hụi khui ngày 10/7/2023, bà N nợ bà C số tiền là 12.000.000đồng và D hụi khui ngày 26/4/2023, bà N nợ bà C số tiền là 12.000.000đồng Như vậy sau khi cấn trừ bà C còn nợ bà N 4.000.000đồng. Đồng ý trừ huê hồng cho bà C là 1.000.000đồng. Như vậy bà C nợ bà N 3.000.000đồng.

Đối với dây hụi mua mở vào ngày 25/11/2024 bà N đã hốt hụi xong, bà C đã giao hụi ngày 22/12/2025 với số tiền là 39.720.000đồng. Tuy nhiên dây hụi này bà N mua hụi là tính đủ 32 phần theo danh sách hụi, bà C chỉ giao hụi 31 phần, còn nợ

01 phần tương ứng số tiền là 2.000.000đồng.

Tổng cộng bà C còn nợ bà N số tiền là 5.000.000đồng. Yêu cầu bà Nguyễn Thị C phải có trách nhiệm trả cho bà N số tiền nợ hụi sau khi cần trừ của 04 dây hụi còn lại là 5.000.000đồng. Yêu cầu trả khi án có hiệu lực pháp luật. Rút 01 phần yêu cầu đối với bà Nguyễn Thị C phải trả số tiền hụi còn lại theo đơn khởi kiện là 55.060.000đồng.

Nguyên đơn bà Chung Kim N thống nhất theo ý kiến và yêu cầu của bà Tạ Kim T.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị C xin xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Ngô Thị N1 không có ý kiến, thống nhất theo ý kiến của bà Chung Kim N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Hội đồng xét thấy theo đơn khởi kiện và yêu cầu của bà Chung Kim N tại phiên tòa, thì bà N yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị C phải có trách nhiệm trả cho bà N số tiền nợ hụi sau khi cần trừ của 04 dây hụi còn lại là 5.000.000đồng. Bà Nguyễn Thị C hiện cư trú tại ấp Đ, xã N, tỉnh Đồng Tháp. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 4, tỉnh Đồng Tháp theo qui định tại Điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Về quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là "tranh chấp về hợp đồng góp hụi" qui định tại Khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 471 của Bộ luật dân sự.

Hội đồng xét xử xét thấy bị đơn bà Nguyễn Thị C đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt hợp lệ. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, thống nhất quyết định xét xử vắng mặt đối với bị đơn bà Nguyễn Thị C.

Xét thấy tại phiên tòa bà Tạ Kim T đại diện ủy quyền cho nguyên đơn đã rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu bà Nguyễn Thị C phải trả số tiền hụi còn lại theo đơn khởi kiện là 55.060.000đồng. Xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện, không trái pháp luật. Căn cứ vào Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Chung Kim N đối với yêu cầu bà Nguyễn Thị C phải trả số tiền hụi còn lại theo đơn khởi kiện là 55.060.000đồng là phù hợp.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa, bà Tạ Kim T đại diện ủy quyền cho nguyên đơn bà Chung Kim N yêu cầu bà Nguyễn Thị C phải có trách nhiệm trả cho bà N số tiền nợ hụi sau khi cần trừ của 04 dây hụi còn lại là 5.000.000đồng. Xét yêu cầu của bà T đại diện ủy quyền cho nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận, bởi lẽ:

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hai bên đương sự khai thống nhất xác định, bà N có có tham gia 03 dây hụi do bà C làm chủ. Quá trình thực hiện hụi đã xác định được như sau: Đối với dây hụi ngày 25/11/2024 bà C còn nợ bà N 14 lần hụi sống (02 phần) là 28.000.000đồng. Đối với dây hụi ngày 10/7/2023 bà N còn nợ bà C 06 lần hụi chết là 12.000.000đồng và dây hụi ngày 26/4/2023 bà N còn nợ bà C 06 lần hụi chết là 12.000.000đồng. Như vậy bà C nợ bà N là 28.000.000đồng, bà N nợ bà C là 24.000.000đồng. Sau khi cần trừ bà C còn nợ bà N số tiền là 4.000.000đồng.

Việc các đương sự khai và xác định thống nhất như trên là phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản hòa giải của ấp; 02 Giấy danh sách hụi và tính tiền hụi do phía nguyên đơn bà N cung cấp.

Bà C cho rằng nếu tính đối với dây hụi ngày 25/11/2024 bà còn nợ bà N 14 lần hụi sống (02 phần) là 28.000.000đồng là trong đó có luôn tiền lãi, thực tế bà N đóng không đến số tiền 28.000.000đồng. Xét lời trình bày này của bà C là không có cơ sở chấp nhận, vì bà N là hụi viên, đã đóng hụi sống đầy đủ, việc ngưng hụi, không khui hụi tiếp là do trách nhiệm nghĩa vụ của chủ hụi, bà N không vi phạm thỏa thuận khi thực hiện hụi, nên bà N được hưởng đủ số tiền có lãi là 28.000.000đồng là phù hợp.

Tại phiên tòa nguyên đơn cũng đồng ý khấu trừ huê hồng cho bị đơn khi hốt hụi là 1.000.000đồng. Như vậy bà C còn nợ hụi bà N số tiền của 03 dây hụi sau khi cấn trừ là 3.000.000đồng.

Đối với với dây hụi bà N mua của bà N1 do bà C làm chủ hụi, mở vào ngày 25/11/2024. Quá trình giải quyết vụ án bà N, bà N1 và bà C khai thống nhất về việc mua hụi. Đến tháng 11/2025 bà N đã hốt hụi xong phần hụi mua này, bà C đã giao hụi cho bà N vào ngày 22/12/2025 với số tiền là 39.720.000đồng, có giấy giao hụi. Tuy nhiên dây hụi này bà N mua hụi là tính đủ 32 phần theo danh sách hụi. Theo giấy tính tiền khi giao hụi thì bà C chỉ giao hụi cho bà N là 31 phần, còn nợ 01 phần tương ứng số tiền là 2.000.000đồng. Do đó có căn cứ xác định bà C còn nợ bà N dây hụi này là 2.000.000đồng.

Tổng cộng bà C còn nợ bà N số tiền là 5.000.000đồng. Vì vậy bà N khởi kiện là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc bà Nguyễn Thị C phải trả cho bà C2 Kim Nguyên số tiền nợ hụi còn lại 5.000.000đồng theo yêu cầu của bà N là phù hợp với Điều 471 của Bộ luật dân sự.

[4] Về yêu cầu tính lãi: Tại phiên tòa hôm nay bà Tạ Kim T đại diện ủy quyền cho nguyên đơn không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về thời gian trả: Tại phiên tòa hôm nay bà Tạ Kim T đại diện ủy quyền cho nguyên đơn yêu cầu bà Nguyễn Thị C phải trả cho bà N số tiền hụi khi án có hiệu lực pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy bà C đã vi phạm hợp đồng, vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 471 của Bộ luật dân sự. Bà N đã yêu cầu bà C trả

tiền nhiều lần nhưng bà C vẫn không trả mà kéo dài thời gian trả nợ, gây nhiều thiệt thòi về quyền lợi cho bà N. Do đó Hội đồng xét xử buộc bà Nguyễn Thị C phải có nghĩa vụ trả cho bà N số tiền nợ hụi là **5.000.000đồng** theo thời gian yêu cầu của bà T đại diện ủy quyền của nguyên đơn là phù hợp.

[6] Về án phí: Bị đơn bà Nguyễn Thị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Bà Nguyễn Thị C là người cao tuổi, theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì bà C được miễn án phí. Tuy nhiên bà C không làm đơn xin miễn tiền án phí nên không có căn cứ miễn tiền án phí cho bà Nguyễn Thị C. Do bà Chung Kim N được miễn nộp tiền tạm ứng án phí nên không thực hiện việc hoàn trả tạm ứng án phí cho bà Chung Kim N.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng các Điều 471, Khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự; Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ.

- Căn cứ Khoản 1 Điều 228; Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Chung Kim N.

- Buộc bà Nguyễn Thị C phải có nghĩa vụ trả cho bà Chung Kim N số tiền nợ hụi còn thiếu là **5.000.000đồng** (năm triệu đồng). Thực hiện nghĩa vụ giao trả khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà Chung Kim N có đơn yêu cầu thi hành án, cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bà Nguyễn Thị C chậm trả tiền thì còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự, tại thời điểm thanh toán.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Chung Kim N đối với yêu cầu bà Nguyễn Thị C phải trả số tiền hụi còn lại theo đơn khởi kiện là 55.060.000đồng.

3. Về án phí:

- Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Chung Kim N.

4. Về quyền kháng cáo:

- Nguyên đơn và người có liên quan bà N1 được thực hiện quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; bị đơn bà C được thực hiện quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tống đạt hợp lệ bản án hoặc niêm yết công khai, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì các đương sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp
- VKSND Khu vực 4 – Đồng Tháp.
- Phòng THA dân sự Khu vực 4 - ĐT.
- Các đương sự:
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên Tòa

Nguyễn Chí K